

## Lẽ Đạo và Tiến Hóa – Phần Mở Đầu :

### Phần Mở Đầu – Chương 2 :

Vấn đề : - Sáng Tạo - Tiến Hóa  
- Hữu Thần - Vô Thần  
- Tôn Giáo - Khoa Học - Đạo

1.- Tổng lược : Cho đến nay, đã qua hai Thập niên đầu của Thế kỷ XXI, mọi tranh luận giữa Tôn giáo và Khoa học vẫn còn dằng dai. Cuộc tranh luận đó thoát thai từ hai quan điểm, hai Lý thuyết căn bản là: Thuyết Sáng Tạo (créationisme) và Thuyết Tiến Hóa (évolutionnisme). Tuy nhiên, theo người viết, cả hai chỉ nói về sự hình thành của vũ trụ cùng mọi thứ hiện hữu và sự biến đổi liên tục của mọi thứ tức mọi không gian qua quá trình thời gian chứ không cũng chưa đề cập đến Sự Sống cùng ý nghĩa của Sự Sống

A- Thuyết Sáng Tạo (một số người gọi là Tạo Dựng) cho rằng vũ trụ, con người và tất cả vạn hữu đều do một vị Thượng Đế hay Ông Trời, một vị Hóa Công, một vị Thần độc nhất toàn quyền, toàn năng ‘sáng tạo’ nên và hướng dẫn diễn tiến sinh hóa của vạn hữu theo ý hướng của Ngài. Con người, theo thuyết này, cũng là sản phẩm của Thượng Đế, được Thượng Đế tạo dựng theo hình ảnh của Ngài như sách Sáng Thế của Moise đã viết. Ông Trời hay vị Hóa Công đó được hiểu là uyên nguyên, là ‘nguyên nhân đầu tiên’ sinh thành vũ trụ, không thể hình dung ra sao, chỉ gán cho Ngài

một danh xưng nào đó thôi. Quan điểm ‘Sáng Tạo’ này được khai sinh từ một số Tôn giáo độc thần trên thế giới từ Bà-La môn giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái giáo, Ki-Tô giáo, Hồi giáo, cả Phật giáo (quan điểm ‘Chân Như Duyên Khởi’), rồi gọi vị Hóa Công hay cái uyên nguyên đó bằng một danh xưng tùy theo mỗi Tôn giáo. Thuyết ‘Sáng Tạo’ qua các Tôn giáo –đặc biệt Do Thái giáo và Ki-Tô giáo– chỉ xác quyết như vậy chứ không chứng minh được sự hiện hữu của Thượng Đế, của cái Uyên nguyên sơ thủy đó . Vấn đề là phải có Đức Tin vào vị Thượng Đế chứ không thể bàn cãi, chứng minh theo Lý trí luận lý về sự hiện hữu cùng mọi quyền năng tối thượng của Ngài. Ngoài Đức Tin mơ hồ đó, sự hiện hữu của Thượng Đế hay của cái Uyên nguyên sơ thủy sinh thành vũ trụ còn có thể do một Giả Định của Lý trí luận lý cho rằng mọi thứ hiện hữu phải do một nguyên nhân đầu tiên nào đó, nguyên nhân đó chỉ là một *‘khái niệm tiên thiên’* (concept a priori) khó lòng xác định.

Về mặt Vạn Vật Học (histoire naturelle), thuyết ‘Sáng Tạo’ cho rằng *‘tất cả động vật và Thực vật đều được tạo ra rất bất ngờ và riêng biệt theo từng giới loại và từng chủng loại có tính cách cố định, không thay đổi’* (1). Quan điểm này xem ra quá đơn giản, trái với Khoa học và cũng trái với tự nhiên vì tất cả mọi thứ đều do tác động của không gian, thời gian mà biến chuyển, thay đổi không ngừng chứ không cố định, nguyên trạng. Quan điểm này, có thể do các nhà Ki-Tô học nêu ra chứ người viết không tìm thấy nơi Kinh điển Ki-Tô giáo hay nơi một tôn giáo nào khác.

B.- Thuyết Tiến Hóa, ngược lại, không công nhận một đấng Tạo hóa nào đã 'sáng tạo' nên vũ trụ. Trên mặt 'Vũ Trụ Luận' (cosmologie), thuyết Tiến Hóa cho rằng vũ trụ cùng vạn hữu vốn 'tự hữu', do Vật chất (cũng là thứ tự hữu) tự tổ chức từ đơn giản đến phức hợp để sản sinh ra mọi thứ và mọi thứ đó tương dung, tương tác với nhau, làm cho nhau biến đổi để hình thành bao dạng hiện hữu khác nhau, cứ như thế tiếp tục mãi mãi. Những thứ được gọi là Tinh thần, Linh hồn,... không do một ơn huệ, một phước lành của một đấng Tối linh, siêu việt nào ban cho con người mà cũng do từ những biến đổi của vật chất càng lúc càng tế vi, sản sinh ra thôi. Nhà Vũ trụ học Hubert Reeves, giáo sư Đại học tại Montréal và Paris đã bảo : « *Lịch sử vũ trụ chính là lịch sử của vật chất tự tổ chức* » (2).

Từ 'Tiến Hóa' có nghĩa là 'biến đổi và tiến lên mãi'. Thuyết 'Tiến Hóa' mang tính khoa học, trước nay thường dùng giải thích sự '*biến đổi lần lần theo từng bậc*' và sự '*phát triển liên tiếp*' (transformation graduelle, développement successif) của các loại sinh vật. Các chủng loại sinh vật hiện nay phát sinh từ những dạng thức sơ khai được biến đổi qua quá trình thời gian do tác động của môi trường sống và do cuộc '*tranh đấu mưu sinh*' đưa đến sự '*chọn lọc tự nhiên*' theo quan điểm của Darwin. Mỗi chủng loại được sinh ra không phải do bất ngờ và cũng không phải mãi mãi nguyên trạng, có tính cách cố định như quan điểm '*cố định luận*' (hay 'định chủng thuyết'= fixisme) như một số người theo thuyết Sáng Tạo quan niệm.

Thuyết Tiến hóa, về mặt Vạn vật học, được chứng minh qua ba cơ sở Sinh học sau đây: 1) Cổ sinh vật học (paléontologie) chứng minh rằng hình thể một chủng loại động vật hiện nay phát xuất từ một mẫu hình (spécimen) động vật đã có từ xa xưa được biến đổi liên tục qua các thời kỳ địa chất, 2) Phôi sinh học (embryologie) và Cơ Thể Giải phẫu học đối chiếu (anatomie comparée) theo đó, trong quá trình phát triển của phôi (embryon), một súc vật, trải qua từng giai đoạn đã có những bộ phận cùng những tạo dạng giao thời (formations transitoires) được tìm thấy nơi những động vật cổ xưa, để tiến đến dạng thức hiện nay, chẳng hạn như trái tim phôi sinh (cœur embryonnaire) trước đây đã trở thành trái tim loài cá rồi trái tim loài bò sát để thành trái tim loài có vú hiện nay, 3) Di Truyền Học (la Génétique), tuy được nói đến trước đây nhưng thực sự trở thành một ngành của Sinh học tân tiến từ ngày khám phá ra phân tử A.D.N. với cấu trúc rắc rối bao gồm các di thể (gène), các nhiễm sắc thể (chromosome),...nghiên cứu tính cách di truyền cùng những biến đổi bất ngờ (variations accidentelles, mutations) , giải thích những biến hóa và cải tiến qua quá trình sinh hóa của các chủng loại động vật. Như vậy, trong sinh học, Tiến hóa là sự thay đổi đặc tính của các di thể (gène) di truyền từ thế hệ này đến các thế hệ khác qua quá trình thời gian.

Khoa học không ngừng nghỉ trên đường tìm tòi, khám phá, càng lúc càng thêm nhiều dữ kiện, nhiều tín hiệu (informations) về sự Tiến hóa không chỉ về các loài sinh vật, về con người mà còn về sự Tiến hóa của vũ trụ nói chung. Các bộ môn Khoa học càng ngày càng kết hợp với nhau, bổ

sung cho nhau để cùng dẫn về một lý thuyết chung nhất nào đó giải thích sự Tiến hóa của vũ trụ và con người. Nhiều nhà Khoa học, tiêu biểu như Stéphen Hawking, đang trên đường tìm ra một Lực duy nhất, một 'Siêu lực' (super force) kết hợp cả bốn lực chi phối vận hành của vũ trụ hiện tượng để hình thành một *Lý Thuyết Nhất Thống*, một *Lý Thuyết Toàn Bộ* hầu giải thích sự Tiến Hóa của vũ trụ và con người. Một Lý thuyết như thế, theo người viết, sẽ giúp cho các bộ môn Chính trị, Kinh tế, Xã hội,...rất nhiều trong việc tổ chức cuộc sống của chủng loại người. Ông (S. Hawking) nghĩ rằng *Lý thuyết đó sẽ được hoàn thành từ nay (1980) đến cuối thế kỷ(3)* nhưng đến nay, đã trên 20 năm của thế kỷ XXI vẫn ~~không~~ chưa xác định. Tuy nhiên, ông cũng dè dặt bảo rằng *Tuy nhiên mọi khả năng tiên liệu rất hạn chế; trước tiên bởi nguyên lý bất định theo đó, ta không thể tiên đoán một cách chính xác một số đại lượng nào đó mà chỉ về những xác suất qua cách phân phối của chúng và tiếp theo, một cách quan trọng hơn là bởi tính phức tạp của các phương trình khiến chúng ta không thể nào giải quyết được chúng ngoại trừ những trường hợp rất giản dị. Chúng ta quả còn xa với sự toàn trí' (3)*

Người viết nghĩ rằng một 'lý thuyết toàn bộ' như thế sẽ cho biết diễn tiến vận hành của vũ trụ từ khởi nguyên đến hồi chung cục. Hầu hết giới Khoa học đều đồng ý khởi nguyên sinh thành vũ trụ là vụ 'Nổ lớn' (Big-Bang) cách ta hiện nay độ hơn 13 tỷ năm(4) và sẽ dẫn đến vụ 'Tan vỡ lớn' (Big-Crunch) theo đó vũ trụ hiện nay sẽ tan vỡ để có thể lại hình thành một vũ trụ khác. Có người nêu câu hỏi: *Trước Big Bang là cái gì?* Đôi nhà khoa học cho rằng câu hỏi đó ngô nghê, buồn cười (ridicule). Chính S.Hawking cũng bảo:

*'Cũng thế, không có một cách nào xác định cái gì đã xảy ra trước Big Bang khởi đi từ những sự nhận biết những sự kiện tiếp diễn sau Big Bang. Điều đó có nghĩa rằng sự có hay không có những sự kiện trước Big Bang là câu hỏi thuần siêu hình' và tiếp theo: 'Hỏi cái gì xảy ra trước Big Bang là đưa ta đến đi tìm một điểm cách Cực Bắc chừng một cây số. Thời gian trong tư cách là đại lượng mà chúng ta đo đạc được, có một khởi đầu nhưng điều này không có nghĩa là không-thời gian có một biên bờ, chẳng khác gì không có biên bờ của diện tích mặt đất ở cực Bắc' (5). S.Hawking mang chúng bịnh thần kinh khá nặng, phải ngồi xe lăn nhưng là một nhà Khoa học nổi tiếng hiện nay. Ông tiếp nối Newton và Dirac, giữ ghế Giáo sư Toán học tại Đại học Cambridge (Anh quốc) từ năm 1980, đang tiến hành khám phá một Lý thuyết toàn bộ về vũ trụ bằng cách kết hợp 'Lý thuyết Tương đối tổng quát' (Relativité générale) của A. Einstein và thuyết 'Cơ học Lượng tử' (Mécanique quantique) của M. Planck. (Ông (S.Hawking) qua đời vào ngày 14/03/2018, thọ 76 tuổi).*

Do từ hai thuyết 'Sáng Tạo' và 'Tiến Hóa' nói trên mà nảy sinh những phạm trù gây tranh luận lâu nay giữa bao nhà thông thái về Triết cũng như về Khoa học: '*Tất Định - Phi Tất Định*' (Déterminisme - Indétermination), '*Trật Tự - Hỗn Độn*' (l'ordre et le chaos, theo Ilya Prigorine), '*Ngẫu nhiên - Thiết yếu*' (le Hasard et la nécessité, theo Jacques Monod), '*Bẩm sinh - Thụ đắc*' (inné - acquis), '*Bản chất - Hiện Tượng*' (essence - phénomène), '*Tâm-Vật*',... Những tranh luận về các vấn đề đó liên miên đến nay khiến cặp phạm

trừ '*Vật Lý Học - Siêu Hình Học*' hầu như luôn tách biệt nhau.

Cũng do hai thuyết đó mà về mặt Triết học, lại nảy sinh hai thuyết Nhất Nguyên và Nhị Nguyên. *Nhất Nguyên luận* (Monisme) là thuyết cho rằng thế giới cũng như mọi thứ hiện hữu đều chỉ do một nguyên lý duy nhất hay chỉ một thành phần duy nhất cấu tạo nên như Vật chất (monisme matérialiste) hay Tâm linh, Tinh thần (monisme spiritualiste,). *Nhị Nguyên thuyết* (dualisme) là thuyết cho rằng mọi vạn hữu đều do hai thành phần, hai nguyên tố khác nhau kết hợp tạo thành, hai thành phần đó là '*thể xác và Tâm linh, Vật chất và Tinh thần*' (corps et âme, matière et esprit). hiện diện nơi mỗi vật thể, không tách rời nhau và tác động qua lại với nhau.

II.- Hữu Thần-Vô Thần : Cơ sở nơi hai thuyết 'Sáng Tạo' và 'Tiến Hóa' được sơ lược nêu trên, người ta phân biệt 'Hữu Thần' và 'Vô Thần'.

a/ Hữu Thần là công nhận có một đấng Sáng Tạo ra mọi thứ. Hữu Thần bắt nguồn từ Đức Tin nhưng lại được quan niệm theo hai cách có khác nhau :

\*Hữu Thần hữu ngã hay Hữu Thần Tôn Giáo (théisme) đã nhân cách hóa đấng Sáng Tạo qua các cách hiểu Đấng Sáng Tạo hay Thượng Đế được hình dung qua con người (Đức Chúa Trời đã dựng nên con người theo hình Ngài - sách Sáng Thế của Moïse) nên là một Thượng Đế Hữu Ngã (Dieu personnel) cũng có một 'cá thể tính' (individualité) như con



người nhưng khác con người . Thượng Đế là vị Thần toàn quyền, toàn năng, đơn nhất, độc nhất (Dieu est unique) , Thượng Đế là Tâm linh, Linh trí (Dieu est esprit), Tự do, tự tại, không thể xác định ra sao (Dieu est indéterminé) ; Thượng Đế hằng sống (Dieu vivant) qua hiện hữu của vũ trụ và tác động vào vũ trụ do Ngài tạo nên ; Thượng Đế là siêu nghiệm, siêu việt hóa (Dieu transcendant) có nghĩa tri thức con người không thể hiểu được tư tưởng, ý chí, ý muốn của Ngài, Ngài ở trên và ở ngoài mọi thứ Ngài tạo dựng nhưng lại luôn luôn hiện diện và tác động vào. Thượng Đế mặc khải cho con người về sự hiện hữu của Ngài để gây Đức Tin vào Ngài. Đức Tin là điều cần thiết, bắt buộc do được Thượng Đế mặc khải, ban cấp, do 'ơn gọi' của Thượng Đế, có tính cách 'truyền thống ' tức được tiếp nối qua các thế hệ (dòng học, gia đình, dân tộc,...) để tất cả được Ngài cứu rỗi. Do đó, Tin ngưỡng trở thành Tôn Giáo với tổ chức Giáo Hội, với hàng ngũ tu sĩ truyền giảng Đức Tin, với những tín điều, giáo điều cùng nghi lễ có tính cách khắt khe, bắt buộc. Để làm nền tảng cho các giáo lý, phái Hữu Thần Hữu Ngã tạo nên một nền Thần Học Đức Tin (théologie confessante) để vừa giải thích Tín lý, Tín điều vừa củng cố Đức Tin nơi quần chúng tín hữu.

Quan điểm Hữu Thần Hữu Ngã này được truyền bá rõ ràng nhất qua Do Thái giáo, Ki-Tô giáo và Hồi giáo với các Thánh Kinh Cựu Ước, Tân Ước và Kinh Coran. Bà-La môn giáo, Ấn Độ giáo, theo người viết cũng là Tôn giáo độc thần, cũng là Hữu Thần Hữu Ngã vì nhìn nhận Brahman là Tuyệt Đối Thể định ra trật tự thiên nhiên và trật tự xã hội. Riêng Phật giáo



cũng nói đến nguồn gốc vũ trụ nhưng không ‘hữu ngã hóa’ nguồn gốc đó mà bảo là *Thế Tính Chân Như, Bản lai vô ngã*.

\*Hữu Thần Vô Ngã hay Hữu Thần không Tôn Giáo (déisme) cũng công nhận một Hữu Thể siêu việt (être suprême) nhưng không minh danh, không thể nhận diện, hình dung ra thể thái, cách thức nào. Đức Tin theo quan điểm này do một trực giác cá nhân, một tin tưởng xác tín với riêng mình, không quan niệm đây là một mặc khải cũng không có tính cách truyền thống, bắt buộc, do đó từ chối Đức Tin là một mặc khải nên không kết tập thành một tôn giáo, không có tổ chức Giáo Hội. Vì thế bài bác việc ‘rửa tội’ cho các bé sơ sinh hoặc gởi các bé đi thụ huấn theo một tôn giáo nào. Việc theo tôn giáo nào là do mỗi người tự do chọn lựa chứ không do bắt buộc của cha mẹ hay dòng họ. Hữu Thần Vô Ngã không có Kinh điển, không có giáo luật, tín điều, không lễ nghi nào ràng buộc, không có lối Thần Học về Đức Tin như những Hữu Thần Tôn giáo.

Quan điểm Hữu Thần không Tôn giáo này không có một Thánh Kinh nào mà chỉ có những trước tác của các nhà trí thức, học giả uyên bác thâm sâu đi tìm nguồn gốc phát sinh vũ trụ cùng nguyên lý, một Thực thể (entité) nào (lửa, nước, khí,... ; với Platon là cái Thiện (le Bien) đã vận hành vũ trụ hay làm nền tảng cho cuộc sống. Những nhà tư tưởng Hy Lạp như Héraclite, Parménide, ...rồi Voltaire, E.Kant, Hégel, J.J.Rousseau,...Quan điểm Hữu Thần Không Tôn Giáo này phần nào dễ gần với quan điểm vô thần. Có thể, theo người viết, quan điểm Hữu Thần Không Tôn Giáo này thuộc trường phái Duy Tâm cho rằng vũ trụ hiện hữu chỉ là biểu tượng của

ý thức con người (duy tâm chủ quan) hoặc là một thực tại khách quan làm đối tượng cho tri thức con người (duy tâm khách quan). Có thể đây là *'trạng thái tư tưởng siêu hình'* (état métaphysique) sau giai đoạn *'tư tưởng trạng thái thần linh'* (état théologique) thoát thai từ các Thần thoại, Huyền thoại và quan điểm Hữu Thần Hữu Ngã, theo sự phân chia của Auguste Comte

b/ Vô Thần (athéisme) không công nhận một Thực Thể siêu linh nào tạo nên cõi Hiện hữu, được hiểu theo hai quan điểm:

\*Vô Thần Ám Tàng (athéisme implicite) hay Thực Tiễn (pratique) không minh thị là Vô Thần mà chủ trương sống hồn nhiên theo yêu cầu thường ngày của cuộc sống, hoàn toàn không bận tâm về việc có hay không có Thượng Đế hay thần thánh.

\*Vô Thần minh nhiên (athéisme explicite) hay lý thuyết (théorique) hoàn toàn phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế và thần thánh, hoàn toàn chống đối tôn giáo trên nguyên tắc cũng như trong thực tiễn đời sống. Theo quan điểm Vô Thần Minh Nhiên này, vũ trụ này tự có hoặc do một thứ cụ thể nào đó như vật chất, năng lượng,...tự vận hành theo những qui luật vật lý tất yếu để sinh thành mọi thứ, các thứ này luôn tương tác nhau cũng theo những qui luật vật lý hiển nhiên để luôn luôn biến chuyển, thay đổi không ngừng. Quan điểm *Vô Thần Minh Nhiên* có thể xem là nền tảng của thuyết Duy Vật, quan niệm tất cả đều do Vật Chất tự tổ chức từ đơn giản đến phức hợp để cấu tạo nên mọi thứ hiện hữu. Đây là *'trạng thái tư tưởng thực nghiệm hay khoa học'* (état positif)

sau hai trạng thái tư tưởng thần linh và siêu hình theo Auguste Comte. Có thể kể một số nhà chủ trương *Vô Thần Minh Nhiên* này như Feurbach, Karl Marx, có thể cả F.Nietzsche (?), Sigmund Freud, J.P. Sartre cùng một số nhà '*Khoa học duy khoa học*' (Scientiste) (6).

III.- Tôn giáo – Khoa học – Đạo : Tôn giáo và Khoa học chống đối nhau chẳng ? Đã có nhiều ý kiến nói rõ sự khác nhau giữa hai bên.

Tôn giáo cũng như một đôi nền Triết lý đi vào bản chất của sự vật, của Sự Sống, giải thích cái nguyên nhân đầu tiên và cuối cùng của vũ trụ, vạn vật ; đi sâu vào cái bản thể của hiện thể. Trong lúc Khoa học chỉ để ý đến những hiện tượng, những thực tại, quan sát, theo dõi, từ đó tìm ra những qui luật nói lên mối quan hệ giữa chúng rồi qua kỹ thuật chế biến ra mọi thứ để ứng dụng vào cuộc Sống. Tôn giáo hướng đến '*cái sẽ phải là*' (ce qui sera), Khoa học chú ý '*cái đang là*' (ce qui est), cái hiện hữu. Tôn giáo đi từ một thực thể tiên thiên, phổ quát, chiếu rọi vào cõi hoạt sinh để giải thích lý do hiện hữu của các hiện thể, các pháp cùng con đường phải đến, phải về của cõi tại thế. Khoa học, ngược lại đi từ cái tồn sinh hiện hoạt để dần dà tìm đến cái cái chung, cái tổng quát. Tôn giáo đi từ cái Nhất Thể đến cái đa tạp, Khoa học đi từ cái đa tạp đến cái khái quát, nhất nguyên. ***Tôn giáo là thứ tư tưởng suy niệm, hướng nội, quy tâm. Khoa học là thứ tư tưởng qui hoạch, phóng ngoại, thực dụng.***

Phương pháp của Khoa học là quan sát, phân tích, tổng hợp, thí nghiệm, chứng minh, hoàn toàn thuần lý ; phương pháp của Tôn giáo (?) là trực nhận, trực giao và đức tin. Lý trí,

theo Tôn giáo, chỉ dùng chứng minh chứ không giúp tìm ra được chân lý. Tôn giáo nhằm cứu rỗi linh hồn, phục vụ phần sống tâm linh. Khoa học nhằm phục vụ cái Sống thể chất và tri thức, tạo ra mọi điều kiện giải quyết những nhu cầu thực tế. **Tôn giáo lo cho 'con người tín ngưỡng' (homme religieux), khoa học lo cho 'con người tồn sinh' (homme existentiel).**

Do những khác nhau về đối tượng, phương pháp và mục đích trên mà giữa hai bên hầu như luôn luôn phản bác nhau, nếu không thì cũng là hai lãnh vực riêng biệt, hai sinh hoạt riêng biệt của con người. Tôn giáo tìm nơi những lặc lặc, sơ hở, những điều khoa học không hay chưa thể khám phá, giải thích để biện minh cho mình. Khoa học lại luôn luôn chất vấn, đòi hỏi tôn giáo phải chứng minh cái thực thể căn nguyên cùng lý do hiện hữu của thực thể siêu việt này chứ không phải bằng thứ đức tin mù mờ, huyền hoặc, phủ nhận ý chí tự do sáng tạo của con người. *'Khoa học nhằm hiểu biết thế giới; Tôn giáo (và các Triết lý) nhằm sứ mạng tìm hiểu ý nghĩa của cuộc sống. Cả hai có thể soi sáng cho nhau với điều kiện mỗi bên trụ nơi địa hạt của mình. Mỗi khi Giáo Hội gắng áp đặt một giải thích thế giới theo ý mình, sẽ làm nảy sinh tranh chấp giữa hai bên. Xin nhớ lời Galilée đã nói với các nhà thần học chống đối ông: 'Xin nói với tôi 'con người đến với Thượng Đế ra sao', và để chúng tôi nói với các ông 'Thượng Đế chuyển vận ra sao' (7)* Thực ra, theo người viết, cả hai bên đều là hai mặt của Sự Sống, hai khả năng của con người.

Nhìn vào quá trình phát triển của khoa học, sau giai đoạn ngỡ mình là độc tôn, vạn năng, dần dần tiến đến những

khám phá mới, phủ nhận cái *'Tất định qui luật'* cứng ngắt trước đây. Càng đi sâu vào các lãnh vực năng lượng, nguyên tử, vi tử, lượng tử,..khoa học càng phát hiện tính cách 'bất liên tục' của cấu trúc vật chất, tính cách 'xác xuất' của những qui luật trước đây. Trên diễn trình tiến hóa chung của vạn hữu, cái thực tại mà ta bắt gặp, khám phá và được khoa học khẳng định, thực ra là từng dạng hiện hữu, một trạng thái thể hiện cái *'tính khả thể'* của sự vật, của hiện thể *'Vật chất là cái 'phi vật chất' đang chuyển động'* (8), do đó *'không thể tưởng tượng ra một sự vật mà không nêu ra một hoạt động nào đó của sự vật'* (9). Cái *'phi vật chất đang chuyển động'*, cái hoạt động đó của sự vật để sự vật được nhìn nhận là sự vật, đấy là cái năng lực chuyển hóa của sự vật, ta có thể gọi đấy là cái khả năng trên tiến trình *'trở thành tồn thể'* (le Devenir être) của từng vật thể, hiện thể.

*Hiện thể không là một hiện vật chết, bất động, ù lì trong một trạng thái bất di mà mang chứa nơi mình một khả năng 'tự thực hiện chính mình trong quá trình thời gian.'* Cái ta gọi là 'hiện tượng' không phải chỉ là cách thể hiện bày của sự vật đến với ta mà còn là -và đấy là phần quan trọng- cái tác động *'tự lộ liễu, tự tiết lộ, tự biểu thị, tự phơi mở'* của từng sự vật bên cạnh mọi sự vật khác để thông hiểu chính mình. Khoa học nhìn ra phần đầu, nghĩa là quan sát, tìm hiểu, chứng minh, thí nghiệm để ghi nhận những sự kiện thường hằng xảy ra trong những điều kiện nhất định mà hình thành những qui luật tương giao bất biến giữa các vật thể, từ đó ứng vào cuộc sống, cuộc đời. Tôn giáo chỉ chú ý phần sau nhưng không có phương pháp nào để thông diễn. Cái tác động *'tự thể hiện chính mình qua thời gian'* là hoạt động, là

hành động của từng hiện thể. Mỗi hoạt động như thế làm cho hiện thể tự biểu thị, tự lộ liễu. Nhà khoa học ghi nhận cái biểu thị, cái lộ liễu đó trong thực tại để tìm hiểu nguyên nhân, kết quả cùng lợi ích nó cống hiến cho ta. Nhà tôn giáo cho rằng mọi biểu thị, hiện bày của hiện thể là do yếu tính nơi tự thân nó để tuân theo cái trật tự an bài tiền định, nghĩa là tuân theo cái ý chí tối thượng của Thượng Đế nhưng lại không thể chứng minh.

Nếu đồng ý với M. Heidegger : *“Hiện thể chỉ có thể tự thông hiểu mình và tự biểu lộ ra bằng sự tự thực hiện chính mình”* thì ta có thể lý giải được rằng mỗi sự vật, mỗi hiện thể hiện hữu là hiện hữu để nó tự thực hiện nó. Mỗi hiện tượng do ta ghi nhận được nơi vật thể là một cách thức, một dạng hiện hữu của nó do hoạt động *‘tự thực hiện’* kia tạo ra. Sự *‘tự thực hiện’* đó của mỗi vật thể không là một hiện bày ngẫu nhiên, hời hợt, ngắn ngủi mà kinh qua một quá trình lịch sử, nghĩa là qua sự *‘tự thực hiện’* đó, vật thể tự trải mình, tự phơi mình, tự xuất hiện ra trong từng sát-na hiện hữu do vật thể tự tác động mình cùng lúc đón nhận mọi tác động của bên ngoài, của các pháp khác trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại [nguyên lý nhân-quả, qui luật ‘nhân duyên sanh’ tức phải tuân theo cái ‘Tất định qui luật’ (Déterminisme –Loi) của vũ trụ hiện tượng)]. Do đó mà nảy sinh cặp phạm trù *‘Bản chất – Hiện tượng’*. Sự *‘tự thực hiện’* đó của từng vật thể, hiện thể qua từng hoạt động, hành động đã được M. Heidegger nói ngay nơi những dòng đầu của *‘Thư về Nhân bản thuyết’* gởi cho học giả người Pháp Jean Beaufret : *“Chúng ta chưa suy tư rất ráo về tính thể của hành động. Người ta thường nhận thức hành động như là sự*

*sản sinh ra một kết quả mà thực tại của nó được đánh giá thế này thế nọ tùy thuộc vào lợi ích mà nó cống hiến. Nhưng tính thể của hành động là hoàn thành. Hoàn thành có nghĩa phơi trải một sự vật trong toàn bộ viên dung của tính thể nó, đạt đến cái toàn bộ viên dung đó. Chỉ có thể được hoàn thành, đặc biệt riêng đối với cái gì đã 'là'. Cái 'là' trước tiên hết, nhiên như là Đạo Thể' (10). Vậy, sự 'tự thực hiện' của từng sự vật là hành động của nó và nó hành động là để 'nó hoàn thành nó'. Mỗi sự vật mang chứa nơi mình cái yếu tính đó, cái mà dựa theo M. Heidegger là cái 'khả thể tính' (le possible) đã đưa đẩy vật thể qua diễn tiến 'trở thành Đạo thể'.*

Các ngành Khoa học trước nay chú trọng khai thác sự vật trong mục đích khai dụng chúng hay nhằm thỏa mãn tri thức do đòi hỏi của Lý trí luận lý (raison raisonnante). Ngày nay, Khoa học có khuynh hướng xa hơn: trong khi khai triển, mở phơi cái Nghiệp (quá trình diễn biến của hành động tác động vào chính mình và vào bên ngoài) của từng sự vật qua quá trình hiện hữu nơi dạng tồn tại của sự vật, dần dần tiến đến khám phá những 'chủ hướng tính' đã qui định nên quá trình 'tự thực hiện' của chúng, nghĩa là cái diễn trình trở thành Đạo thể nơi mỗi sự vật, vì "làm cho tự khai mở, viên dung một vật gì trong từ căn nguyên của nó, có nghĩa là làm cho nó là Đạo thể" (11). Do từ quá trình đó, nghĩa là cái diễn trình trở thành Đạo thể nơi mỗi sự vật nên "Tinh thần khoa học không thể chỉ bằng lòng suy luận cái thường nghiệm đương tại trong những nét nổi bật nhất mà phải suy tư về tất cả những khả tính có thể kinh nghiệm được..Cuối cùng, do từ những khả thể kinh nghiệm mà khoa



*Vật lý Toán học tìm cách thuyết minh. Trong lý thuyết đó, cái khả tính có thể gắn sát với cái hiện thực, cái thực tại như là một trường hợp đặc biệt của cái khả tính. Cái vọng dự đó có lẽ đã đánh dấu cho sự khuếch sung tư tưởng khoa học” (12).*

Sự vật hiện hữu là để biểu thị mình ra với xung quanh (mỗi biểu thị như thế là một hiện tượng, một dạng hiện hữu) trong từng lúc; chuỗi dài nối tiếp nhau của các dạng hiện hữu tạo nên lịch sử nó thuận theo dòng dịch chuyển của Lễ Đạo nơi thế gian để hồi phục lại cái Bản thể, cái ‘chân diện mục’ tức trở về với Đạo Thể (xin xem Chương Thượng Đế-Sáng Tạo). M. Heidegger, theo người viết, đã làm bước ‘nghịch hành’ trong tư tưởng để người ta thấy chính Lễ Đạo đã chi phối, hướng dẫn diễn tiến sinh hóa của mọi sự vật nơi cõi thế gian trở về với Đạo Thể. Ông đi ngược lại mọi lối suy tư trước nay, công kích hệ thống siêu hình học truyền thống để triết lý từ bỏ quan điểm chủ quan duy niệm cùng duy thực một chiều mà phải phối kết cả hai vì mọi nền siêu hình học và triết lý trước nay đều *suy tư từ hiện thể* (à partir de l'étant) chứ không *từ tính thể của hiện thể* (à partir de l'être de l'étant) vì, theo ông, *mọi hiệu năng nằm ngay nơi Đạo Thể và từ đó đến với hiện thể* (13).

Khoa học ngày nay đang đi vào chiều hướng đó. Cái *‘lý thuyết nhất thống toàn triệť* (théorie complètement unifiée, grand unified theories : GUT) mà S.Hawking đang hy vọng hoàn thành, phần nào, theo người viết, trả lời cho chúng ta điều đó vì lý thuyết này sẽ cho chúng ta rõ cái *‘cội nguồn’* (l'origine) cùng cái *‘chung cực’* (la fin) của vũ trụ, của vạn hữu. Cái *‘chung cực’* của vũ trụ được dự đoán là do vũ trụ trương nở (expansion) đến cùng cực sẽ co rút lại đưa đến

một *'tan vỡ lớn'* (big-crunch) hoặc sẽ nguội dần đưa đến trạng thái *'lạnh giá cùng cực'* (grand froid, Big-Chill) hoặc *'bị xé rách từng mảnh vụn'* (grande déchirure, Big-Rip), điều được đôi tôn giáo gọi là *'giờ tận thế'* để lại tạo nên một vũ trụ mới hay thế nào đó, chưa thể xác định. Về *'Cội Nguồn'* của vũ trụ, người ta nói đến *'vụ trụ thành hình từ một dị điểm'* (singularity) nào đó được xem như từ một *'điểm Toán học'* (point mathématique), một *'vi tử mẹ'* (particule mère), một *'siêu lực'* (super force), một *'Siêu Sợi'* (Super Corde) , một vụ *'Nổ lớn'* (Big-bang) hay từ *'Cái Không Lượng Tử'* (le Vide quantique), hoặc theo Tôn giáo độc thần là *'Thượng Đế'* (Dieu). Hầu như Khoa học hiện nay đồng ý Vũ trụ hiện tượng phát sinh do từ cái *'Không lượng tử'* (vide quantique), điều mà Phật giáo gọi là *'Chân Không'* hay *'Thể tính Chân Như'*, *'Bản lai Vô ngã'*. Parménide và M. Heidegger gọi là *'Être'*, người viết dịch sang tiếng Việt là *'Đạo Thể'* (mượn từ Đạo của Lão Tử và từ Thể của Phật giáo). Qua những điều trên, hầu như ta thấy vũ trụ có một *'khởi nguyên'* (commencement) và một *'kết cục'* (fin) mà Khoa học đang tìm cách xác định như S.Hawking đang theo đuổi và Đạo học Đông phương đã bảo *'khởi đi từ Một để trở về với Một'*. Cái lộ trình *'khởi nguyên – Chung cục'*, *'từ Một trở về với Một'* là lịch sử của vũ trụ. Đạo học, Tôn giáo đã nói nhưng không chứng minh trong lúc Khoa học luôn nghiên cứu, tìm tòi, giải thích để xác định rõ ràng. Bao nhiêu quan điểm của các Khoa học gia lần lượt được bổ sung, mở rộng, trang trải đến mọi lãnh vực hầu làm sáng tỏ diễn tiến sinh hóa của mọi thứ, của nhân sinh nói riêng. Xin mượn lời của Gaston Bachelard khi nói về nền *'cơ giới không Newton'* (la

mécanique non-newtonnienne) để xác minh : *“Tóm lại, nếu người ta đứng trên cái nhìn tổng quát về những tương quan nhận thức luận của khoa học Vật lý hiện đại và của nền Khoa học Newton, người ta thấy rằng những lý thuyết cũ không phải được mở rộng thành những lý thuyết mới mà chính ra những lý thuyết mới đã bao gồm những lý thuyết cũ. Các thể hệ tri thức đã phát triển theo những bước liên tiếp lồng khớp vào nhau. Từ tư tưởng không Newton đến tư tưởng Newton không hề có mâu thuẫn mà chỉ có thu xúc, kết hợp thôi. Chính cái thu xúc, kết hợp đó cho phép ta thấy rằng cái hiện tượng hạn hẹp đã bị câu thúc bên trong cái thực thể bao trùm nó, cái trường hợp riêng bên trong cái trường hợp chung để không bao giờ cái riêng có thể phơi bày được trọn vẹn cái chung. Từ nay, sự nghiên cứu, tìm hiểu về hiện tượng được chấn khởi do từ một hoạt động hoàn toàn cơ sở trên thực thể; chính Toán học đã mở những nẻo đường mới cho kinh nghiệm”*(14) (từ ‘thực thể’ (noumène) trong đoạn trích này được hiểu là ‘tính thể, bản thể, bản chất, thể tánh, tự tánh, đạo thể’).

Xem thế, ta thấy Tôn giáo và Khoa học không là hai lãnh vực luôn luôn đối lập, riêng rẽ nhau, không thể không tương hợp nhau. Tôn giáo đặt vấn đề cho Khoa học tìm kiếm, khám phá; Khoa học càng lúc càng chứng minh những ‘chân lý’ mà Tôn giáo đề cập, xác quyết mà không thể luận giải tường minh. Tôn giáo cũng như Triết lý mở nẻo đi cho Khoa học, kích thích Khoa học thắc mắc, tìm tòi sau bao lần đả kích, phi bác. *Tôn giáo là tiếng nói của Đạo; Khoa học là phương*

## *tiện thể hiện Đạo, thể hiện dòng đi của Đạo Thể vào cuộc sống thế gian*

Khoa học đã làm sáng tỏ những điều Tôn giáo nói, đã giúp cho một số giới răn, giới cấm của Tôn giáo được thực hiện mà bao lời thuyết giảng, bao kinh kệ không đủ hiệu lực ngăn cản tội lỗi của con người. Không phải do những thành quả của Khoa học Kỹ thuật mà con người bớt đi những nhiều sai lầm, nhiều hành động trái với đạo lý, với những răn khuyên của Tôn giáo sao? Bao nhiêu điều sai trái như trộm cướp, gian dối, gian dâm, quỵ lương,..chẳng đã do những khí cụ, máy móc, những chế tác của Khoa học Kỹ thuật mà bớt đi nhiều sao? Khoa học Kỹ thuật chẳng đã nâng từng dạng hiện hữu của con người, của xã hội mỗi lúc một lên cao sao? Khoa học Kỹ thuật chẳng đã ảnh hưởng đến Chính trị, Kinh tế, Học thuật,... để đổi thay hình thái tổ chức xã hội càng lúc càng thêm tốt đẹp đấy sao? Khoa học Kỹ thuật không liên hệ đến Tôn giáo, không do Tôn giáo mà phát triển nhưng những sáng chế của Khoa học Kỹ thuật đã mặc nhiên giúp con người thực hiện những điều Tôn giáo ước mong cho con người, cho xã hội loài người. Chủ ý của Khoa học không nhằm diệt trừ tội lỗi nhưng thành quả của Khoa học đã mặc nhiên khiến cho tội lỗi bớt đi nhiều điều kiện phát sinh để cuộc sống, cuộc đời được tiến bộ, văn minh và lương hảo hơn.

Khoa học Kỹ thuật cũng tạo ra nhiều đau khổ, tội lỗi mới và đấy là trách nhiệm của Tôn giáo làm thế nào để Khoa học Kỹ thuật đi đúng theo vận hành của Lễ Đạo. Trách nhiệm đó không là đả kích, phản đối, dè bĩu, ta thán mà phải làm sao

cho Lễ Đạo được sáng ra, nghĩa là *'mở rộng Đạo'*, giúp Khoa học Kỹ thuật càng lúc càng đi đúng hướng với yêu cầu của nhân sinh không chỉ riêng về mặt thực tiễn mà còn về mặt tâm linh hướng thượng của con người. Khoa học Kỹ thuật có thể xem là những người con ngoan cố, lì lợm, bướng bỉnh, tung tăng, ngang dọc, tự hào về những thành quả, thành công của mình nhưng thực ra và cuối cùng lúc đối mặt với những gì *'vô hình vô hoại'* sẽ nhận ra đang trên lộ trình của Lễ Đạo mà Tôn giáo đã thông đạt theo lối riêng của mình mà Lý trí luận lý lâu nay khó lòng thừa nhận.

Đến nay, mặc dù giữa hai bên vẫn còn những khác biệt, chống đối, vẫn đi theo hai ngã chuyên biệt mặc dù nhân gian vẫn còn cấu xé nhau nhau trong những sai biệt trầm trọng, nhưng nhìn suốt diễn trình sinh hóa của nhân loại, ta đã thấy những dấu hiệu đưa Khoa học và Tôn giáo đến một tương thuận tròn đầy vì cùng đồng quy về Đạo.

Với tập *'Lễ Đạo và Tiến Hóa'*, người viết dù kiến thức hạn hẹp, có *'tham vọng'* táo bạo thử làm việc *kết hợp cả hai Lý Thuyết Sáng Tạo và Tiến Hóa* hầu thấy rằng cả hai thuyết bổ túc cho nhau, tương tại trong nhau, nhân quả cho nhau. Sáng Tạo làm cơ sở (nhân) cho Tiến Hóa và Tiến Hóa là hệ luận (quả) của Sáng Tạo.

Đạo học Đông Phương (Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo) qua những mệnh đề : *" Vạn vật đồng nhất Thể, Vạn Hữu bản lai đồng, Một trong tất cả, Tất cả trong Một, Tất cả khởi đi từ Một để trở về trong Một "* cùng lời Chúa Jésus trong Tân Ước

**“ Ta làm mới lại muôn vật, Ta là Đầu và là Rốt”** (từ ‘Ta’ nơi đây chỉ Thượng Đế chứ không phải Chúa Jésus) giúp người viết có cơ sở để kết hợp cả hai Thuyết Sáng Tạo và Tiến Hóa nói trên.

---

1) Créationisme - (Hist. Naturelle : théorie suivant laquelle les animaux et les plantes ont été créés subitement et isolément par genres et par espèces fixes et immuables – Grand Larousse universel, tome 4).

2) Hubert Reeves : ‘L’histoire de l’Univers, c’est l’histoire de la matière qui s’organise’ – xem ‘La plus belle histoire du monde’, édits du Seuil, Paris 1996, trang 36.

3) “En 1980, j’estimais qu’il y avait cinquante pour cent de chances que nous découvrons d’ici la fin du siècle ” (xem : *‘Is the End in Sight for Theoretical Physics ?* – “Nous faisons des progrès et il y a de fortes probabilités que nous découvrons cette théorie d’ici la fin du siècle”(bản dịch tiếng Pháp, phần Avant-Propos, trang 49) – “À première vue, il pourrait sembler que cela nous permette de tout prédire dans l’Univers. Et pourtant nos pouvoirs de prédiction seront sévèrement limités : d’abord par le principe d’indétermination qui énonce qu’on ne peut pas prédire avec exactitude certaines grandeurs, mais seulement leur distribution de probabilité, et ensuite, de manière encore plus importante, par la complexité des équations, qui les rend impossibles à résoudre sauf dans des situations très simples. Nous serions donc encore très loin de l’omniscience” (xem : *‘The Edge of Space Time’, bản tiếng Pháp, trang 119*). Cả hai bài thuyết giảng tiếng Anh nói trên của S.Hawking, bài đầu vào năm 1980, bài sau năm 1989 được in ấn bởi Cambridge University Press. Cả hai bài này được hợp chung lại trong bản dịch Tiếng Pháp *‘Commencement du Temps et Fin de la Physique’* của Catherine Chevalley với phần trình bày của Alain Bouquet, giáo sư Đại học Paris 6 và 7 năm 1992, éd. Flammarion, Paris 1992.

(4) Lý thuyết Big bang do tu sĩ và là nhà Thiên Văn học Bỉ quốc Georges Lemaitre đưa ra năm 1927 và được Khoa học gia Mỹ Gamow khai triển năm 1948, theo đó Vũ trụ được hình thành cách đây chừng 15 tỷ năm bởi một vụ nổ lớn để xuất hiện những protons, neutrons, électrons và photons ở một nhiệt độ rất cao...

5) ‘De même , il n’existe aucun moyen de déterminer ce qui s’est passé avant le Big Bang à partir de la connaissance des événements qui lui ont succédé. Cela signifie que l’existence ou la non-existence d’événements antérieurs au Big Bang est purement métaphysique ; ces événements n’ont aucun effet sur l’état actuel de l’Univers’ (bản tiếng pháp đã dẫn, trang 104) – ‘Demander ce qui s’est passé avant le Big Bang reviendrait à chercher un point qui soit à un kilomètre du pôle Nord. Le temps, en tant que grandeur que nous mesurons, a un commencement mais cela ne veut pas dire que l’espace-temps ait un bord, exactement de la même manière qu’il n’y a pas de bord de la surface de la Terre au pôle Nord’ (bản tiếng Pháp đã dẫn, trang 118).

6) Các quan điểm Hữu Thần, Vô Thần được nói nơi đây, người viết dựa vào sách *‘Une Boite à outils pour s’initier à la Philosophie’* của Gilbert Jourdain (éd. Du Centre d’Action laïque, Espace et Liberté, Bruxelles 1996) rồi diễn giảng thêm. Cũng nên ghi chú thêm một số quan

điểm về Hữu Thần, Vô Thần : 1) *Thuyết Tô-Tem* (totémisme) dùng hình ảnh một sự vật được nêu thành thần linh biểu trưng vật tổ một thị tộc, bộ lạc, dân tộc, (như dân tộc Nga, tô-Tem là con Gấu trắng ; dân tộc Pháp là con gà trống ; dân Nhật là Thái Dương thần nữ ; dân Hoa Kỳ là chim Ưng hay chim Ó hoặc chim Phượng Hoàng ; ...Riêng dân tộc Việt Nam ta là 'Rồng và Tiên', một Tô-tem kép biểu trưng hai sức mạnh : Tiên : sức mạnh phiêu hốt, phiêu bổng, thanh thoát, Rồng : sức mạnh trần tục mang chứa tính chất thăng hoa ;...2) *Thuyết Vật Linh* (animisme) chủ trương mọi vật sống (corps vivants) đều mang chở một linh hồn. 3) *Đa Thần giáo* (polythéisme) quan niệm tất cả mọi sự vật thiên nhiên đều do một vị thần chủ tế : thần núi, thần sông, thần lửa,...4) *Nhất Thần giáo* (?) quan niệm có nhiều thần nhưng chỉ thờ phụng một Thần duy nhất tuy không loại bỏ các thần khác. 5) *Phiếm Thần giáo* (panthéisme) chủ trương 'thần hóa' tự nhiên, cho rằng Thượng Đế và Tự nhiên (thế giới) là một. 6) *Độc Thần giáo* (monothéisme) chủ trương chỉ có một vị Thần độc nhất, tối cao là Thượng Đế, không có vị thần nào khác ngoài Thượng Đế. 7) *Vô Thần* (athéisme) không công nhận Thượng Đế, không có một nguyên nhân đầu tiên nào mang tính thần linh tạo nên vũ trụ. 8) *Thuyết Bất Khả Tri* (agnosticisme) cho rằng trí tuệ con người không thể biết mọi sự nên nghi ngờ mọi luận điểm siêu hình, không chối bỏ cũng không tin tưởng vào thần thánh, Thượng Đế.

7) "La Science cherche à comprendre le monde ; les Religions (et les philosophies), elles, se sont généralement assignées pour mission de donner un sens à la vie. Elles peuvent s'éclaircir mutuellement à condition de rester chacune à son territoire. Chaque fois que l'Église a essayé d'imposer son explication du monde, il y a eu conflit. Rappelons-nous Galilée, qui disait à ses adversaires théologiens : "*Dites-nous comment on va au ciel, et laissons-nous vous dire comment 'va' le ciel*" - xem '*La plus belle histoire du monde*', éd. du Seuil 1996, trang 26].

8) "Matter is non-matter in motion", Karl Pearson, trích dẫn bởi Gaston Bachelard : *Le Nouvel Esprit scientifique*.

9) "On ne peut imaginer une chose sans poser quelque activité de cette chose", Gaston Bachelard, sđđ .

10) "Nous ne pensons pas de façon assez décisive encore l'action de l'agir. On ne connaît l'agir que comme la production d'un effet dont la réalité est appréciée suivant l'utilité qu'il offre. Mais l'essence de l'agir est l'accomplir. Accomplir signifie : déployer une chose dans la plénitude de son essence, atteindre à cette plénitude, produire. Ne peut donc être accompli proprement que ce qui est déjà. Or ce qui 'est' avant tout est l'Être", xem nơi '*Questions III*, Gallimard , Paris 1966, phần 'Ueber Den Humanismus', bản dịch tiếng Pháp '*Lettre sur l'Humanisme*' bởi Roger Munier, trang 74.

11) Chú thích của người viết : 'Làm cho nó là Đạo thể' có nghĩa 'làm cho nó là nó', làm cho nó là chân tính, làm cho nó thể hiện cái 'bản lai diện mục' của nó chứ không phải là một hiện thể ngẫu tính, một thực tại trong diễn tiến sinh hóa (lịch sử) của nó, một đối tượng tư duy của ta.

12) "Ainsi l'esprit scientifique ne peut se contenter de penser l'expérience présente dans ses traits saillants, il faut qu'il pense toutes les expériences expérimentales...C'est donc finalement en termes de possibilités expérimentales que s'exerce la Physique mathématique. Dans une telle doctrine, le possible s'est en quelque sorte rapproché du réel comme un cas particulier du possible. Cette perspective est sans doute propre à marquer l'élargissement de la pensée scientifique" : Gaston Bachelard, sđđ.



13) "Or, toute efficence repose dans l'Être et de là va à l'étant" – Lettre sur l'Humaisme, sđđ, trang 74 .

14) "En résumé, si l'on prend une vue générale des rapports épistémologiques de la science physique contemporaine et de la science newtonienne, on voit qu'il n'y a pas développement des anciennes pensées par les nouvelles. Les générations spirituelles procèdent par emboitements successifs. De la pensée non-newtonienne à la pensée newtonienne, il n'y pas non plus contradiction, il y a seulement contraction. C'est cette contraction qui nous permet de trouver le phénomène restreint à l'intérieur du noumène qui l'enveloppe, le cas particulier dans le cas général sans que jamais le particulier puisse évoquer le général. Désormais, l'étude du phénomène relève d'une activité purement nouménale. ; c'est la Mathématique qui ouvre les voies nouvelles à l'expérience"- G. Bachelard : 'Le Nouvel Esprit scientifique, sđđ.- Gaston Bachelard (1884-1962) : triết gia Pháp, chuyên nghiên cứu về mặt 'Tri thức luận' (épistémologie) với những tác phẩm: Le Nouvel Esprit scientifique, Le Rationalisme appliqué, Psycanalyse du feu, la Poétique de l'espace.